

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PICOMAT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/2025/CV-PICOMAT

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: PCH

- Địa chỉ: Thôn Cầu Liên, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

VPĐD: Tầng 1, Tòa nhà CT3B, Số 10 Đại Lộ Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 024.6329.0555 - E-mail: info@picomat.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat công bố thông tin Quyết định của HĐQT số: 06/2025/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2025 về việc thực hiện điều chỉnh nội dung Điều lệ hiện hành của Công ty do bỏ một số ngành, nghề kinh doanh theo nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/05/2025 tại đường dẫn: <https://picomat.com.vn/cong-bo-thong-tin/CBTT-qd-cua-hdqt-ve-viec-thuc-hien-dieu-chinh-noi-dung-dieu-le-theo-noi-dung-tai-nghi-quyet-cua-dhdc-d-thuong-nien-nam-2025>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Quyết định của HĐQT số: 06/2025/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2025.



ĐÀO THỊ KIM OANH

QUYẾT ĐỊNH

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần nhựa Picomat;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2025;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 06/2025/BB-HĐQT ngày 12/05/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần nhựa Picomat.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua thực hiện điều chỉnh nội dung tại Khoản 1, Điều 4 trong Điều lệ Công ty sau khi hoàn thành việc bỏ ngành nghề kinh doanh của Công ty cho phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2025 và đã được Sở tài chính thành phố Hà Nội xác nhận

- a. Ngày 14/4/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đã thống nhất thông qua việc bỏ các ngành, nghề kinh doanh dưới đây khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Điều 3 Nghị định 196/2013/NĐ-CP)	7810
2	Đại lý du lịch	7911
3	Điều hành tua du lịch	7912
4	Bốc xếp hàng hóa	5224

- b. Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2025, các ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi cập nhật, thay đổi bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
1	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622	
2	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ	1629	
3	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự, - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớt, - Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh, - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.	1621	
4	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh	4752	
5	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013	
6	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394	
7	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện);	2399	
8	Phá dỡ	4311	
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669	
13	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220	X
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh(trừ loại nhà nước cấm)	8299	
15	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ được phẩm và loại nhà nước cấm)	4649	
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn sơn, vécni Bán buôn kính xây dựng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn xi măng	4663	
17	Bán buôn kim loại và quặng kim loại chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662	
18	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	
19	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Khoản 1 Điều 3 Luật	6810	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
	Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13)		
21	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; (Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13)	6820	
22	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	
23	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511	
24	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512	
25	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513	
26	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	
27	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530	
28	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541	
29	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542	
30	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543	
31	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620	
32	Bán buôn thực phẩm	4632	
33	Bán buôn đồ uống	4633	
34	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641	
35	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651	
36	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	
37	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653	
38	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	
39	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661	
40	Bán buôn tổng hợp	4690	
41	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719	
42	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721	
43	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722	
44	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723	
45	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730	
46	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741	
47	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742	
48	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751	
49	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
50	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763	
51	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764	
52	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771	
53	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772	
54	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773	
55	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774	
56	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781	
57	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782	
58	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783	
59	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784	
60	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785	
61	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789	
62	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791	
63	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799	
64	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	
65	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211	
66	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	
67	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213	
68	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214	
69	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221	
70	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222	
71	Quảng cáo	7310	
72	Cho thuê xe có động cơ	7710	
73	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721	
74	Cho thuê băng, đĩa video	7722	
75	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729	
76	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
77	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740	
78	Cung ứng lao động tạm thời	7820	
79	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110	
80	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
81	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129	
82	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	
83	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211	
84	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219	
85	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220	
86	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230	
87	Dịch vụ đóng gói	8292	
88	Giáo dục nhà trẻ	8511	
89	Giáo dục mẫu giáo	8512	
90	Giáo dục tiểu học	8521	
91	Giáo dục trung học cơ sở	8522	
92	Giáo dục trung học phổ thông	8523	
93	Đào tạo sơ cấp	8531	
94	Đào tạo trung cấp	8532	
95	Đào tạo cao đẳng	8533	
96	Giáo dục thể thao và giải trí	8551	
97	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	8552	
98	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559	
99	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560	
100	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620	
101	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311	
102	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312	
103	Hoạt động thể thao khác	9319	
104	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321	
105	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329	
106	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511	
107	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512	
108	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521	
109	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522	
110	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523	
111	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524	
112	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529	
113	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610	
114	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620	
115	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633	
116	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639	
117	Xây dựng nhà để ở	4101	
118	Xây dựng nhà không để ở	4102	
119	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
120	Xây dựng công trình đường bộ	4212	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
121	Xây dựng công trình điện	4221	
122	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
123	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
124	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
125	Xây dựng công trình thủy	4291	
126	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
127	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
128	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
129	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
130	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
131	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
132	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. (Khoản 9 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình - Tư vấn đấu thầu (Điều 113 Nghị định 63/2014/NĐ-CP) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)	7110	
133	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410	
134	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932	
135	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931	
136	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	
137	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229	
138	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
139	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
140	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa	4610	

- c. Giao cho Tổng Giám đốc công ty thực hiện việc ký ban hành Điều lệ sửa đổi của Công ty phù hợp với việc bỏ ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2025.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các phòng ban có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VP;



Đỗ Thanh Hải

